

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2020

Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bế Nhật Độ.
2. Ông Bế Kim Phong.

Thư ký phiên toà: Bà Bằng Thị Minh Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, Tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Thế N, sinh năm: 1961, có mặt.

Địa chỉ: Phố D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Q, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Phố D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trịnh Thế N trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Q chung sống với nhau từ năm 1992 tại phố D, thị trấn N, Hòa An, Cao Bằng nhưng không có đăng ký kết hôn do không nắm rõ quy định của pháp luật, quá trình chung sống giữa hai người có một người con chung tên là Trịnh Thị H sinh ngày 19/8/1993. Đến khoảng tháng 8 năm 2019 giữa ông và bà Q không còn tìm được tiếng nói chung nên không còn sống chung với nhau nữa. Hiện nay ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Q, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có một con chung tên Trịnh Thị H, sinh ngày 19/8/1993, hiện nay con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 15/12/2020 và phiên hòa giải bị đơn bà Phạm Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Q thừa nhận sống chung với ông Trịnh Thế N từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hiện nay giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Hiện nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì bà nhất trí với yêu cầu của ông N.

Về con chung: Bà Q xác định con chung hiện nay đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung và vay nợ chung thì không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn vắng mặt nhưng tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt thì bị đơn nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trịnh Thế N có quan hệ hôn nhân với bà Phạm Thị Q, địa chỉ: Phố D, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng. Nay ông N khởi kiện xin ly hôn với bà Q, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Bị đơn Phạm Thị Q vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Thế N và bà Phạm Thị Q sống chung với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đến tháng 8 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng thiếu sự chia sẻ và luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên đã cùng nhau tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, ông N và bà Q đã sống ly thân từ tháng 08/2019 đến nay. Hiện ông N cùng bà Q đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông N và bà Q không đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân giữa ông N và bà Q là hôn nhân không hợp pháp, không làm

phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, xét cần phải tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà Q.

[3] Về con chung: Hiện nay con chung giữa ông N và bà Q đã đủ tuổi trưởng thành nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Ông N và bà Q xác định không có tài sản chung, vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trịnh Thế N.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trịnh Thế N và bà Phạm Thị Q.

- Về án phí: Nguyên đơn ông Trịnh Thế N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, để sung N sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0001349 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn N, Hòa An;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lục Thanh Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bế Nhật Độ

Bế Kim Phong

Lục Thanh Hải